

## BÀI 6: ĐO KHỐI LƯỢNG

1. Đổi đơn vị:  $650\text{g} = \dots \text{kg}$

A. 0,65

B. 0,065

C. 6,5

D. 65

2. Đổi đơn vị:  $2,4 \text{ tạ} = \dots \text{kg}$ ;

A. 2400

B. 240

C. 24

D. 2,4

3. Đổi đơn vị:  $3,07 \text{ tấn} = \dots \text{kg}$ ;

A. 30,70

B. 307

C. 3070

D. 30700

4. Đổi đơn vị:  $12 \text{ yến} = \dots \text{kg}$ ;

A. 1200

B. 120

C. 12

D. 1,2

5. Đổi đơn vị:  $12 \text{ lạng} = \dots \text{kg}$ .

A. 1200

B. 120

C. 12

D. 1,2

6. Nối

1. Khối lượng của một học sinh lớp 6 là 45...

tạ

2. Khối lượng của chiếc xe đạp là 0,20...

gam (g)

3. Khối lượng của chiếc xe tải là 5...

kilogram (kg)

4. Khối lượng của viên thuốc cảm là 2...

lạng

5. Khối lượng của cuốn SGK KHTN 6 là 1,5...

tấn

7. Nối



cân điện tử

cân đòn

cân đồng hồ

cân y tế

cân Rô-béc-van